

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN Q

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/01/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoa; Ông Nguyễn Văn Đức.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Q;

- Đại diện Viện KSND huyện Q tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 193/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐHPT-HNGĐ ngày 19/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị B, sinh năm 1993;

HKTT: Xóm Mới, thôn N, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội; Hiện ở: Nhà số 01, ngõ 2, đường CB, thôn N, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội, có đơn xin xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Sỹ A, Luật sư Công ty Luật Hàm Rồng - Chi nhánh Hải Phòng, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Hữu M, sinh năm 1988;

HKTT và nơi ở: Xóm Mới, thôn N, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Trong đơn khởi kiện ngày 10/7/2023 và các tài liệu khác có trong hồ sơ; Quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Lò Thị B trình bày:**

Ngày 15/3/2012, tôi và anh Đỗ Hữu M đã đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, tôi về nhà anh M sinh sống cùng với bố mẹ chồng tại xóm Mới, thôn N, xã N. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc nhưng càng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M là người vô tâm, hay chơi bời, không chịu khó làm ăn, lại hay có những lời lẽ xúc phạm, thiếu tôn trọng tôi. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, áp lực kinh tế ngày càng đè nặng, khiến cho tôi không còn cảm thấy thoải mái với cuộc sống hiện tại. Thậm chí, nhiều lần chúng tôi đã xảy ra xô xát với nhau, vợ chồng bất hòa, khiến cho các con của tôi rất ám ảnh mỗi khi chứng kiến bố mẹ đánh cãi nhau, ảnh hưởng tâm lý con trẻ. Vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, chí tiêu trong gia đình và cách nhìn nhận cuộc sống của hai bên không phù hợp với nhau, bản thân tôi muốn xây dựng một gia đình hạnh phúc nhưng anh M lại là một người đàn ông ham chơi, vũ phu, không quan tâm đến cuộc sống của tôi. Mặc dù hai bên gia đình đã rất cố gắng để hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì vậy xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn xin ly hôn anh M để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 người con chung là cháu Đỗ Thị Quỳnh N, sinh ngày 05/02/2013; Đỗ Thị T, sinh ngày 22/12/2014; Đỗ Hữu B, sinh ngày 06/10/2017. Hiện nay cả ba cháu đều đang sống cùng với anh M. Khi ly hôn tôi đề nghị giao cháu N cho tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu T, cháu B cho anh M là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng, tôi không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung và anh M cũng không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung, nên tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung, nên tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

** Theo bản tự khai và quá trình tố tụng tại tòa án, bị đơn anh Đỗ Hữu M trình bày:*

Tôi và chị Lò Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N ngày

15/3/2012. Trước khi cưới hai bên tìm hiểu nhau khoảng 3 tháng, thấy hợp nhau nên đã tiến tới hôn nhân. Cưới xong vợ chồng chung sống với nhau luôn ở nhà tạm xây trên đất ruộng đối diện nhà bố mẹ tôi. Đến năm 2017 thì vợ chồng tôi chuyển đến sống cùng nhà với bố mẹ tôi ở xóm Mới, thôn N, xã N.

Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị B ngoại tình bị tôi phát hiện ra, xong sau đó vợ chồng đã tự hòa giải được với nhau. Chị B đã xin lỗi tôi và xin tôi cơ hội sửa sai, tôi đã tha thứ và cho chị B một cơ hội làm lại từ đầu, để cùng tôi xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái nên người. Nhưng sau đó, chị B vẫn chứng nào tật nấy lại nhắn tin mập mờ với người đàn ông khác. Khi tôi phát hiện thì vợ chồng tôi có cãi vã nhau và chưa có hướng giải quyết. Tôi vẫn như trước tiếp tục tha thứ cho chị B và hy vọng chị biết sai để sửa. Đến cuối tháng 12/2022 chị B tự bỏ nhà đi, không nói với tôi câu nào. Trước khi đi chị B có nhắn tin Zalo với mẹ tôi bảo là đi miền Nam làm ăn còn thực tế chị đi đâu tôi không rõ. Lúc chị bỏ đi, tôi và chị B vẫn đang bình thường, không ai tranh cãi nặng lời gì với ai nên tôi cũng không biết lý do vì sao chị bỏ đi. Khi đi chị B đi một mình, không mang theo cháu nào đi cả. Từ khi chị đi đến nay chị chưa về nhà thăm con, thăm gia đình lần nào. Tôi có nhiều lần sang nhà bố mẹ đẻ của chị B hỏi chị B đang ở đâu nhưng ông bà đều giấu địa chỉ không cho tôi biết nên tôi không có cách nào liên lạc với chị B. Từ đó cho đến nay vợ chồng cắt đứt liên lạc, không ai còn hỏi han, quan tâm ai nữa.

Nay chị B làm đơn xin ly hôn tôi, xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên tôi có nguyện vọng nếu chị B muốn quay về đoàn tụ thì tôi vẫn tha thứ và cho chị cơ hội sửa chữa để vợ chồng cùng xây dựng hạnh phúc gia đình. Trường hợp chị B cương quyết xin ly hôn tôi thì tôi vẫn mong muốn Tòa hòa giải để vợ chồng tôi đoàn tụ, cho con cái có bố có mẹ, không để các cháu phải chịu khổ.

Về con chung: Tôi và chị B có 03 con chung là:

- Cháu Đỗ Thị Quỳnh N, sinh ngày 05/02/2013;
- Cháu Đỗ Thị T, sinh ngày 22/12/2014;
- Cháu Đỗ Hữu B, sinh ngày 06/10/2017;

Hiện cả 03 cháu đang sống với tôi. Nếu ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi cả 03 cháu và không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Từ khi chị bỏ nhà đi đến nay chưa về thăm các cháu lần nào, chỉ đúng 1 lần gửi về 2 triệu đồng và vài lần mua hộp sữa nhưng không liên lạc, hỏi han gì tới các cháu. Tôi cũng đã hỏi ý kiến của các cháu và các cháu đều muốn sống cùng với tôi.

Về điều kiện nuôi con: Hiện nay tôi đang làm mộc tại nhà với thu nhập trung bình mỗi tháng là 15.000.000 đồng.

Về tài sản chung, công sức chung: Tôi và chị B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi và chị B không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo Biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2024 của mẹ đẻ bị đơn là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962, bà Lê trình bày:*

Năm 2012 vợ chồng tôi tổ chức lễ cưới cho anh M và chị B. Khi tìm hiểu, anh M đang làm bảo vệ ở Big C còn chị B làm nhân viên bán hàng trong Big C. Anh chị tìm hiểu trong bao lâu tôi không rõ. Tôi chỉ biết chị B quê ở Châu Thuận, Quỳnh Châu, Nghệ An, tôi thấy xa quá nên cũng có can ngăn anh M không lấy chị B. Nhưng do anh M và chị B thực sự yêu thương nhau nên vợ chồng tôi mới đồng ý cho các cháu lấy nhau. Đến ngày 15/3/2012 anh M và chị B đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội. Cưới xong vợ chồng anh M chung sống với nhau luôn ở nhà tôi tại xóm Mới, thôn N, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội. Vợ chồng tôi cho vợ chồng anh chị sống cùng nhà nhưng sinh hoạt riêng.

Quá trình vợ chồng anh M chị B chung sống với nhau, tôi không thấy anh M và chị B có mâu thuẫn gì. Thỉnh thoảng vợ chồng có cãi vã mấy chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống, không có gì trầm trọng cả. Anh M làm thợ mộc tại quê, còn chị B bán quần áo tại N. Ngày 09/12/2022 chị B đưa con đi lớp xong bỏ nhà đi, không nói gì với gia đình. Đến 10 giờ tối cùng ngày chị B có nhắn cho tôi là “trông cháu cho con thời gian để con đi làm” xong tôi nhắn tin, gọi điện lại thì chị B không nghe máy cũng không trả lời tin nhắn của tôi. Sau đó tôi mới biết chị B bỏ nhà đi, còn chị đi đâu tôi không rõ. Trước đó tôi thấy chị B thường xuyên điện thoại, nhắn tin với người khác tôi nghi là chị B yêu nhau qua mạng nên thường xuyên hèn hò nhau mà anh M không biết.

Nay chị B làm đơn xin ly hôn anh M, tôi có ý kiến là: Chị B đã cố tình bỏ đi khỏi nhà tôi thì vợ chồng khó có thể đoàn tụ được. Đề nghị Tòa giải quyết ly hôn cho anh M, chị B theo quy định của pháp luật. Theo tôi nguyên nhân chính để chị B bỏ đi là do chị B có quan hệ ngoại tình với người khác. Hơn nữa chị B sống với anh M thì vất vả vì vợ chồng phải nuôi 3 con còn nhỏ nên chị B muốn đi tìm cuộc sống mới tốt hơn.

Anh M và chị B có 03 con chung là: Cháu Đỗ Thị Quỳnh N, sinh ngày 05/02/2013; Cháu Đỗ Thị T, sinh ngày 22/12/2014; Cháu Đỗ Hữu B, sinh ngày 06/10/2017; Hiện cả 03 cháu đang sống với gia đình tôi. Nếu anh M và chị B ly hôn, tôi có nguyện vọng đề nghị Tòa án xem xét giao cả 03 cháu cho anh M là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành và không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Lý do là vì tôi thấy kể từ khi chị B bỏ nhà đi đến nay, chị B không một lần nào về thăm con, không liên lạc hay hỏi han về con cái cũng không chu cấp gì cho các cháu. Tất cả việc chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa đón các cháu đi học đều do tôi và anh M đảm nhiệm.

Hiện nay, Anh M đang làm thợ mộc tại quê với thu nhập trung bình tháng khoảng 15 -16 triệu đồng. Còn tôi đi làm phụ bếp ở công ty Joang Phát - Khu công nghiệp Thạch Thất - Q với thu nhập trung bình là 6 triệu đồng. Tôi còn cấy 03 sào ruộng và có chăn nuôi thêm nên kinh tế gia đình đủ để nuôi các cháu ăn học. Trường học các cháu cũng gần nhà tôi nên việc đưa đón các cháu đi học cũng thuận tiện. Còn chị B đi làm đâu? Lương cao hay thấp chúng tôi không biết nhưng biết chắc chắn một điều là không có chỗ ở ổn định nên không bảo đảm việc nuôi dưỡng, chăm sóc, học hành các cháu được.

Anh M và chị B không có tài sản chung, công nợ chung.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2024 của cháu Đỗ Thị Quỳnh N và cháu Đỗ Thị T: Các cháu đều có nguyện vọng ở với bố vì bố cháu quan tâm, chăm sóc các cháu nhiều hơn và vì mẹ cháu từ khi không ở với bố cháu thì không hỏi han, liên lạc hay chu cấp gì cho các cháu.*

** Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa xử cho chị B ly hôn anh M và được quyền nuôi cháu N, anh M nuôi 02 cháu T và Biên và không bên nào phải đóng góp nuôi con chung cho bên nào.

Còn anh M đồng ý ly hôn và có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung đồng thời không yêu cầu chị B phải đóng góp nuôi con chung.

Chị B và anh M đều xác định không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng:

Việc thực hiện tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều

70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị B và anh Đỗ Hữu M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Đến cuối tháng 12 năm 2022 do không thể chịu đựng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc như vậy nên chị B đã bỏ nhà đi. Từ đó đến nay vợ chồng ly thân. Xét thấy cảm vợ chồng không còn nên chị B đã làm đơn xin ly hôn; Anh M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị B với anh M.

Về con chung: Chị B và anh M có 03 con chung. Hiện cả 03 cháu đang sống với anh M. Nếu ly hôn, chị B có nguyện vọng được nuôi cháu N, anh M nuôi cháu T và cháu B và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Còn anh M có nguyện vọng được nuôi cả 03 cháu và không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy chị B trong quá trình điều tra đã xuất trình cho Tòa án Hợp đồng lao động không xác định thời hạn; Có hợp đồng thuê nhà; Có thu nhập bình quân hàng tháng từ 7.500.000 đồng đến 7.800.000 đồng; Anh M có thu nhập ổn định 15.000.000 đồng/ tháng và có sự trợ giúp của gia đình nên để bảo đảm cuộc sống ổn định cho các cháu đề nghị HĐXX xử: Giao cho chị B nuôi cháu N; Giao cho anh M nuôi cháu T và Biên cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào cho đến khi có Quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị Lò Thị B chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] *Về tố tụng:*

Anh Đỗ Hữu M có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại xóm Mới, thôn N, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị B và anh Đỗ Hữu M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên tính tình không hợp, không có tiếng nói chung nên thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Chị B cho rằng anh M ham chơi, vũ phu, không quan tâm đến chị; Còn anh M nghi ngờ chị B có quan hệ ngoại tình, không chung thủy nên hai bên thường xảy ra đánh cãi nhau khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn lại được. Đến cuối tháng 12 năm 2022 do mâu thuẫn trầm trọng, chị B bỏ đi khỏi nhà cắt đứt liên lạc. Từ đó đến nay vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm và chị B đã làm đơn cương quyết xin ly hôn; Còn anh M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Xét thấy hôn nhân của chị B và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị B với anh M là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[2.2] *Về con chung:* Chị B và anh M có 03 con chung là cháu Đỗ Thị Quỳnh N, sinh ngày 05/02/2013; Cháu Đỗ Thị T, sinh ngày 22/12/2014; Cháu Đỗ Hữu B, sinh ngày 06/10/2017.

Hiện cả 03 cháu đang sống với anh M. Nếu ly hôn, chị B có nguyện vọng được nuôi cháu N, anh M nuôi cháu T và cháu B và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Còn anh M có nguyện vọng được nuôi cả 03 cháu và không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy chị B và anh M đều đủ điều kiện để nuôi con, có thu nhập ổn định, chị B thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 7,5 triệu đồng còn anh M thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 15 triệu đồng nên để bảo đảm tốt nhất cuộc sống cho các cháu giao chị B nuôi cháu N; Anh M nuôi cháu T và cháu B.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị B và anh M đều không yêu cầu bên kia phải đóng góp nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B, anh M cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

[2.3] *Về tài sản chung, công sức chung*: Chị B và anh M không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị B và anh M không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.5] *Về án phí*: Chị Lò Thị B chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[2.6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ngày 10/7/2023 về việc “*Xin ly hôn*” của chị Lò Thị B đối với anh Đỗ Hữu M.

1. Về hôn nhân:

Xử: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị **Lò Thị B** với anh **Đỗ Hữu M.**

2. Về con chung:

Chị B và anh M có 03 con chung là cháu Đỗ Thị Quỳnh N, sinh ngày 05/02/2013; Cháu Đỗ Thị T, sinh ngày 22/12/2014; Cháu Đỗ Hữu B, sinh ngày 06/10/2017.

Xử: Giao chị B quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

Giao anh M quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T và cháu B cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B, anh M cho đến khi

con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công sức chung:

Chị B và anh M không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung:

Chị B và anh M không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí:

Chị Lò Thị B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000804 ngày 30/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS ND huyện Q;
- THA DS huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Thanh